

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Phương D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 43/44 đường L, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Phát T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 831 Quốc lộ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)

NỘI D V VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Ngọc Phương D trình bày:

Bà và ông Phạm Phát T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chung chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 01 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông T

không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc (cá độ bóng đá) rồi thua bạc, gây nợ nần, vợ chồng bán hết T sản chung để trả nợ. Bà có nhiều lần khuyên nhưng ông T không thay đổi mà còn đánh đập bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, bà và ông T chấm dứt quan hệ vợ chồng mạnh ai nấy sống từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc Phương D, sinh ngày 06/4/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

T sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Phạm Phát T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng bà Lê Ngọc Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội D: Theo lời khai của nguyên đơn và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai thường xuyên mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn chăm lo gia đình, mà cờ bạc, thường xuyên đánh đập, bạo hành bà D, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà D xin ly hôn nhưng ông T không có ý kiến, ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T.

Về yêu cầu nuôi con: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Ngọc Phương D, sinh ngày 06/4/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của cháu D, tránh thay đổi về môi trường sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Lê Ngọc Phương D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Phát T cư ngụ tại số 831 Quốc lộ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội D :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc Phương D và ông Phạm Phát T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 10 năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà D và ông T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 01 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, bà D nhiều lần khuyên nhưng ông T không thay đổi, mà còn đánh đập bà D, vợ chồng không còn tiếng nói chung, ông T không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, người cha đối với gia đình và có hành vi bạo hành đối với bà D, cả hai chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2020 cho đến nay, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà D xin ly hôn nhưng ông T không có ý kiến, thể hiện ý chí không muốn đoàn tụ với bà D. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Ngọc Phương D và ông Phạm Phát T có 01 con chung tên Phạm Ngọc Phương D, sinh ngày 06/4/2016 hiện đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Phạm Ngọc Phương Duyên đang sống chung với bà D được chăm sóc chu đáo, ổn định. Để tránh thay đổi về môi trường sống, đảm bảo phát triển về mọi mặt của cháu D. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà D, giao cháu D cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề cập.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà D chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Phương D đối với ông Phạm Phát T về yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc Phương D được ly hôn với ông Phạm Phát T.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Phạm Ngọc Phương D, sinh ngày 06/4/2016 cho bà Lê Ngọc Phương D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Ngọc Phương D không yêu cầu ông Phạm Phát T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Ngọc Phương D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

tiền tạm ứng án phí bà Lê Ngọc Phương D đã nộp theo biên lai thu số 0001164 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND p Tân Khánh;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

